TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24 – 02 – 2023
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L - TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Thới Phần.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Quang Sô.

2. Ông Phạm Ngọc Anh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại Phòng xét xử - Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2022, về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thuý A, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 02, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý A (gọi tắt là chị Thuý A) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thuý A và anh Phạm Văn Đ tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Uỷ ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Hôn nhân do anh chị cùng tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống chung hạnh phúc sau đó thì phát

sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi anh Đ không lo làm ăn, vợ chồng không yêu thương lẫn nhau, mặc dù vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả nên hiện nay anh chị đã không còn sống chung với nhau. Vì vậy, chị Thuý A cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị Thuý A khai trong quá trình sống chung anh chị có 01 con chung là Phạm Nguyễn Phước L (giới tính: nam), sinh ngày 19/5/2012, hiện nay cháu L đang sống chung với chị Thuý A. Khi ly hôn, chị Thuý A yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị Thuý A khai không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Thuý A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Thuý A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có yêu cầu gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Văn Đ đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thuý A và Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Đ để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thể tiến hành ghi lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn chị anh Phạm Văn Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích và đánh giá về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý A khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung đối với bị đơn anh Phạm Văn Đ. Đối chiếu theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51, Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ pháp luật trong vụ kiện này là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con chung". Bị đơn anh Phạm Văn Đ có địa chỉ cư trú tại ấp 2, thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Bị đơn Phạm Văn Đ vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản, thông báo tố tụng theo quy định pháp luật. Căn cứ vào quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến

hành xét xử vắng mặt đối với anh Đ nhưng vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của họ theo quy định pháp luật.

[3]. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thuý A, hội đồng xét xử thấy rằng:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Vào 2011 chị Thuý A và anh Phạm Văn Đ tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện L, tỉnh Hậu Giang nên hôn nhân của anh chị là phù hợp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình sống chung, chị Thuý A cho rằng cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi anh Đ không lo làm ăn, vợ chồng không còn tin tưởng lẫn nhau, mặc dù vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả.

Tại phiên toà, chị Thuý A cũng cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Đ và không thể tiếp tục duy trì mối quan hệ vợ chồng với anh Đ được nữa. Anh Đ cũng đã được Toà án triệu tập hợp hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ đều vắng mặt nên Toà án không thể ghi nhận được ý kiến của anh Đ đối với yêu cầu được ly hôn của chị Thuý A. Điều đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Thuý A và anh Đ thật sự có mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị không thể tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng. Do đó, hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thuý A đối với anh Đ.

[3.2]. Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của chị Thuý A, hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi sinh ra thì cháu Phạm Nguyễn Phước L được sống chung với vợ chồng anh chị nhưng từ khi anh chị không còn sống chung với nhau thì cháu L sống với chị Thuý A. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh chị không còn sống chung với nhau thì chị Thuý A là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, giáo dục cháu L và tại bản tự khai cháu L cũng có nguyện vọng được sống chung với chị Thuý A, do đó để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống cho cháu Phạm Nguyễn Phước L, Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu Phạm Nguyễn Phước L cho chị Thuý A được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng: Chị Thuý A không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[3.3]. Về tài sản chung: Chị Thuý A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3.4]. Về nợ chung: Chị Thuý A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Thuý A phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Điều 9; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý A đối với bị đơn anh Phạm Văn Đ. Cho chị Nguyễn Thị Thuý A được ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Thuý A, giao cháu Phạm Nguyễn Phước L (giới tính: nam), sinh ngày 19/5/2012 cho chị Nguyễn Thị Thuý A được tiếp tục nuôi dưỡng, hiện nay cháu L đang sống chung với chị Thuý A. Dành quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Phạm Văn Đ không ai được quyền cản trở. Về cấp dưỡng: Chị Thuý A không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

3. Về tài sản chung: Chị Thuý A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Thuý A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thuý A phải nộp án phí với số tiền là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0006484 phiếu lập ngày 13/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà không có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bán án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. L;
- THADS H. L;
- UBND thị trấn V;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Ngọc Thới Phần